TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 5 – 2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trí

Ông Nguyễn Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1994.

Địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1994.

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Trần Thị D, anh Phạm Hoàng T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị Trần Thị D và anh Phạm Hoàng T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 14/10/2015. Hôn nhân giữa chị D và anh T được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên tham giá đánh bạc với hình thức cá độ bóng đá. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ

chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Chị Trần Thị D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hoàng T.

- Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung tên Phạm Thiên P, sinh ngày 11/9/2016, Phạm Trần Nhật L, sinh ngày 24/11/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Phạm Hoàng T trình bày:

Anh T thống nhất, anh T và chị D kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 14/10/2015. Hôn nhân giữa chị D và anh T được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Anh Phạm Hoàng T đồng ý ly hôn với chị Trần Thị D.

- Về con chung: Anh T thống nhất, chị D và anh T có 02 con chung tên Phạm Thiên P, sinh ngày 11/9/2016, Phạm Trần Nhật L, sinh ngày 24/11/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị D. Anh T yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Thiên P, sinh ngày 11/9/2016, không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Anh T đồng ý để chị D tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Trần Nhật L, sinh ngày 24/11/2018, anh T không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).

- Trích lục khai sinh của cháu Phạm Thiên P, Phạm Trần Nhật L (Bản sao).

- Giấy xác nhận ngày 13/3/2020 của Công an xã Bình Thành (Bản chính).

- Giấy xác nhận ngày 13/5/2020 của Trường mầm non BT2 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1

Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Hoàng T cư trú tại ấp BT, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Phạm Hoàng T thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, chị D và anh T còn xác định nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T thường xuyên tham gia đánh bạc với hình thức cá độ bóng đá. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Như vậy, hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, việc thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị D yêu cầu nuôi 02 con chung tên Phạm Thiên P, sinh ngày 11/9/2016, Phạm Trần Nhật L, sinh ngày 24/11/2018, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy, chị D và anh T đều xác định, hiện nay chị D đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Thiên P và Nhật L. Chị D có tạo điều kiện cho Thiên P theo học tại Trường mầm non BT2 có xác nhận của Nhà trường. Ngoài ra, chị D cũng cung cấp được Hợp đồng lao động với Công ty TNHH HC và có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu Thiên P và Nhật L phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Thiên P và Nhật L cho chị D nuôi dưỡng. Cho nên, chị D yêu cầu nuôi 02 con chung tên Phạm Thiên P, Phạm Trần Nhật L là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D và anh T xác định là tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị D và anh T xác định là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Xét ý kiến của anh T về việc yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Thiên P, sinh ngày 11/9/2016, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, mặc dù anh T cung cấp được Hợp đồng lao động với Công ty TNHH HC và có thu nhập ổn định nhưng anh T không chứng minh được sự chủ

động trong việc trông nom, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì anh T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh T yêu cầu nuôi cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 11/9/2016, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Phạm Hoàng T.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thiên P, sinh ngày 11/9/2016, Phạm Trần Nhật L, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng đến khi Thiên P và Nhật L thành niên và có khả năng lao động, anh T không phải cấp Dưỡng nuôi 02 con chung, do chị D không yêu cầu.

Chị D và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2019/0001799 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị Trần Thị D đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên